

Chi tiết mã HS 8528.71.19

Mã HS	8528.71.19
Mô tả hàng hóa	Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh / - Thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh: / - - Không thiết kế để gắn với thiết bị hiển thị video hoặc màn ảnh: / - - - Set top boxes có chức năng tương tác thông tin: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 06:06:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85287119/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15655
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15655
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15655
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14983
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14915
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14915
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14915
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14915
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14915
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14915
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14969
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14969
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14969
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14969

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14969
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14969
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14970
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14970
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14970
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14970
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14970
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14970
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14973
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14921
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14929
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14929
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14929
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14929
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14929
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14929
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14969
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14969
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14969
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14969
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14969
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14969
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15024
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15024
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15024
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15024

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15024
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15024
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15003
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15003
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15003
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15003
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15003
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15003
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15001
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15001
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15001
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15001
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15001
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15001
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15007
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15007
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15007
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15007
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15007
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15007
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15006
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15006
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15006
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15006
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15006
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15006

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14999
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14999
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14999
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14999
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14999
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14999
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14999
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14994
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14994
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14994
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14994
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14994
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14994
RCEP B	2022	2022	0	B!D14994
RCEP B	2023	2023	0	B!E14994
RCEP B	2024	2024	0	B!F14994
RCEP B	2025	2025	0	B!G14994
RCEP B	2026	2026	0	B!H14994
RCEP B	2027	2027	0	B!I14994
RCEP C	2022	2022	0	C!D14994
RCEP C	2023	2023	0	C!E14994
RCEP C	2024	2024	0	C!F14994
RCEP C	2025	2025	0	C!G14994
RCEP C	2026	2026	0	C!H14994
RCEP C	2027	2027	0	C!I14994
RCEP D	2022	2022	0	D!D14993

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14993
RCEP D	2024	2024	0	D!F14993
RCEP D	2025	2025	0	D!G14993
RCEP D	2026	2026	0	D!H14993
RCEP D	2027	2027	0	D!I14993
RCEP E	2022	2022	0	E!D14997
RCEP E	2023	2023	0	E!E14997
RCEP E	2024	2024	0	E!F14997
RCEP E	2025	2025	0	E!G14997
RCEP E	2026	2026	0	E!H14997
RCEP E	2027	2027	0	E!I14997
RCEP F	2022	2022	0	F!D14994
RCEP F	2023	2023	0	F!E14994
RCEP F	2024	2024	0	F!F14994
RCEP F	2025	2025	0	F!G14994
RCEP F	2026	2026	0	F!H14994
RCEP F	2027	2027	0	F!I14994
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13969
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13969
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13969
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13969

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	-------------------	-------------------	-------------	------------------------

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8528.71 có 4 dòng thuế; dòng 8528.71.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8528.71.11 Hoạt động bằng nguồn điện lưới; 8528.71.91 Hoạt động bằng nguồn điện lưới; 8528.71.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8528.71.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8528.71.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15655), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.